

việc thực hành trong vệ sinh hô hấp của họ, tuy nhiên kết quả của nghiên cứu là cơ sở để phát triển các nghiên cứu tiếp theo về thực trạng công tác kiểm soát nhiễm khuẩn tại bệnh viện Mắt Trung ương nói riêng và tại các cơ sở khám, chữa bệnh nói chung.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu thu thập và phân tích thông tin về kiến thức thực hiện quy tắc vệ sinh hô hấp của 323 NVYT công tác tại Bệnh viện Mắt Trung ương. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ NVYT có kiến thức đạt 72,4%.

Có 4 yếu tố liên quan đến kiến thức về thực hiện quy tắc vệ sinh hô hấp của NVYT bao gồm: Tuổi, trình độ chuyên môn, vị trí công tác và thời gian công tác ($p < 0,05$).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Hào (2016), Năng cao năng lực về kiểm soát nhiễm khuẩn. Nguồn <https://kcb.vn/> 27/4/2016
2. Bộ Y tế (2012), Tài liệu đào tạo về kiểm soát nhiễm khuẩn.
3. Quyết định Số 5991/QĐ-BYT của Bộ Y tế, ngày 26/12/2019 về việc phê duyệt hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở khám chữa bệnh răng miệng.
4. Thông tư số 16/2018/TT-BYT, ngày 20/7/2018 của Bộ Y tế quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế.
5. Nguyễn Thị Mai Hương và cộng sự (2016), "Đánh giá thực trạng thực hành về kiểm soát nhiễm khuẩn của học viên học tại Bệnh viện Truno ương Quân đội 108". Tạp chí Y dược lâm sàng 108, 11.
6. Võ Văn Tân (2011), "Thực hành phòng ngừa chuẩn của điều dưỡng và các yếu tố liên quan đến kiểm soát nhiễm trùng bệnh viện". Tạp chí Y Học TP. Hồ Chí Minh, Tập 15 (Phụ bản của Số 4), 214- 220

MÔ TẢ SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI THÂN CÓ TRẺ TỪ 4-8 TUỔI ĐƯỢC ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI THÂN RĂNG HÀM SỬA BẰNG CHỤP THÉP TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA VINH NĂM 2022

Nguyễn Thị Hoa¹, Nguyễn Thị Cẩm Tú¹

VINH MEDICAL UNIVERSITY IN 2022

Children have 2 - 4 replacements of large or multifaceted Amalgam fillings a year and it is very difficult to restore a crown shape suitable for these materials. Especially the teeth that have undergone root canal treatment are often broken and then lost early, leaving many serious consequences. To solve these problems, prefabricated steel crowns have been used in pediatric restorative dentistry. The study aims to describe the satisfaction of relatives with children aged 4-8 years old who have been treated to restore the crowns of milk molars with steel crowns at the hospital of Vinh Medical University in 2022. The study was carried out on 13 patients. Relatives of patients who have been assigned to receive steel treatment. The results show that the overall satisfaction rate is about convenience 76.9%, quality 84.6%, pain control for children 92.3%, treatment cost is 84.6%

Keywords: satisfaction, DSQ, steel crowns.

TÓM TẮT

Trẻ em có số lần thay thế lại những miếng trám Amalgam lớn hoặc nhiều mặt là 2-4 lần trong năm và rất khó khăn phục hồi lại hình thể thân răng phù hợp với các vật liệu này. Đặc biệt là các răng đã điều trị tủy thì thường bị gãy vỡ sau đó mất sớm để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng. Để giải quyết các vấn đề này, chụp thép đúc sẵn đã được sử dụng trong nha khoa phục hồi răng trẻ em. Nghiên cứu nhằm mục tiêu mô tả sự hài lòng của người thân có trẻ từ 4-8 tuổi được điều trị phục hồi thân răng hàm sửa bằng chụp thép tại bệnh viện Trường Đại học y khoa Vinh năm 2022. Nghiên cứu triển khai trên 13 người thân có bệnh nhân được chỉ định điều trị chụp thép. Kết quả cho thấy tỷ lệ hài lòng chung về sự thuận tiện 76,9%, chất lượng 84,6%, kiểm soát đau cho trẻ 92,3%, chi phí điều trị là 84,6%.

Từ khóa: hài lòng, DSQ, chụp thép

SUMMARY

DESCRIBE THE SATISFACTION OF RELATIVES WHOSE CHILDREN 4-8 YEARS OLD ARE TREATED TO RESTORE TEMPORARY TEETH WITH STEEL CROWNS AT THE HOSPITAL OF

¹Trường Đại học Y khoa Vinh

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Hoa

Email: flower.hcd.rhm@gmail.com

Ngày nhận bài: 5.12.2022

Ngày phản biên khoa học: 16.01.2023

Ngày duyệt bài: 8.2.2023

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trẻ em có số lần thay thế lại những miếng trám Amalgam lớn hoặc nhiều mặt là 2-4 lần trong năm và rất khó khăn phục hồi lại hình thể thân răng phù hợp với các vật liệu này. Đặc biệt là các răng đã điều trị tủy thì thường bị gãy vỡ sau đó mất sớm để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng [1], [2], [3]. Để giải quyết các vấn đề này, chụp thép đúc sẵn đã được sử dụng trong nha khoa phục hồi răng trẻ em. Sự hài lòng của người thân và người bệnh khi trải nghiệm về dịch

vụ chăm sóc răng miệng phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố khác nhau. Tại Việt Nam năm 2016, sự hài lòng chung của người bệnh về dịch vụ chăm sóc sức khỏe nói chung ở khoảng 80%, tuy nhiên mức độ đó khác nhau tùy từng loại dịch vụ [4]. Năm 2019 tại Hà Nội, tỷ lệ hài lòng chung của bệnh nhân với dịch vụ chăm sóc Răng Hàm Mặt chiếm 95,4%, trong đó rất hài lòng chiếm 55,4%. Đồng thời, nghiên cứu cũng nêu ra 7 yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới sự hài lòng người bệnh bao gồm: hiệu quả của điều trị, điều kiện chăm sóc sức khỏe phù hợp với người bệnh, hiểu biết thông tin về cơ sở y tế, sự quan tâm và chăm sóc của nhân viên y tế, tính thuận tiện, ấn tượng ban đầu, danh tiếng cơ sở điều trị và viện phí. Kết quả cho thấy người bệnh hầu như chưa hài lòng về chất lượng dịch vụ cũng như sự hài lòng của người bệnh chưa được quan tâm một cách thấu đáo [5]. Nghiên cứu nhằm mục tiêu mô tả sự hài lòng của người thân có trẻ từ 4-8 tuổi được điều trị phục hồi thân răng hàm sữa bằng chụp thép tại bệnh viện Trường Đại học y khoa Vinh năm 2022.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

+ Tiêu chuẩn lựa chọn:

- Người thân có bệnh nhân được chỉ định

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Phản hồi ở khía cạnh sự thuận tiện của quá trình điều trị

Nội dung	Rất hài lòng		Hài lòng		Không chắc chắn		Không hài lòng		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Chỉ dẫn rõ ràng			10	76,9	2	15,4	1	7,7	13	100
Đón tiếp nhiệt tình			12	92,3	1	7,7			13	100
Thời gian phù hợp			11	84,6	1	7,7	1	7,7	13	100
Hẹn lịch khám dễ dàng	2	15,4	10	76,9	1	7,7			13	100
Chờ khám bệnh lâu			12	92,3	1	7,7			13	100
Phòng chờ thoải mái			13	100					13	100
Dễ dàng trao đổi khẩn cấp	2	15,4	10	76,9			1	7,7	13	100
Hẹn đúng lịch	2	15,4	11	84,6					13	100
Môi trường phòng khám			10	76,9	2	15,4	1	7,7	13	100

Trong 9 vấn đề khảo sát sự hài lòng của người thân với sự thuận tiện của quá trình điều trị thì khía cạnh phòng chờ thoải mái và hẹn đúng lịch là được phụ huynh đánh giá hài lòng cao nhất, đạt tỷ lệ 100%.

Tổng điểm khía cạnh sự thuận tiện của quá

điều trị chụp thép.

- Đối tượng tự nguyện tham gia nghiên cứu

+ Tiêu chuẩn loại trừ:

- Người thân bệnh nhân mắc bệnh tâm thần, tự kỷ.

- Không điền đầy đủ phiếu thu thập thông tin.

2.2. Địa điểm, thời gian nghiên cứu

+ Địa điểm: Tại phòng khám Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Trường đại học Y khoa Vinh.

+ Thời gian nghiên cứu: Từ 4/2022 đến 8/2022.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

+ Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu mô tả cắt ngang.

+ Chọn mẫu và cỡ mẫu: Chọn cỡ mẫu thuận tiện. Tất cả có 13 người thân của trẻ tham gia nghiên cứu.

2.4. Thu thập thông tin lâm sàng

+ Khám lâm sàng: nhằm thu thập thông tin về tình trạng RHS thứ 1 và thứ 2 của trẻ 4-8 tuổi, có chỉ định chụp thép, đánh giá hiệu quả của kỹ thuật.

+ Phỏng vấn: phỏng vấn người thân trẻ có chỉ định chụp thép làm sẵn nhằm thu thập các thông tin về đặc trưng cá nhân của trẻ và người thân trẻ. Cùng với mức độ hài lòng của người thân khi đưa trẻ thăm khám và điều trị tại đây.

trình điều trị sẽ dao động từ 9 đến 45 điểm. Từ 9 đến 18 điểm là "không hài lòng", 19 đến 35 là "bình thường" hay "không chắc chắn" và 36 đến 45 điểm tương ứng với mức "hài lòng" [6]. Có 76,9% người thân đánh giá sự thuận tiện về điều trị ở mức độ hài lòng và 23,1% ở mức độ bình thường.

Bảng 2. Phản hồi ở khía cạnh chất lượng điều trị

Nội dung	Rất hài lòng		Hài lòng		Không chắc chắn		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	N	%
Thái độ điều trị	7	53,9	6	46,1			13	100
Giải thích quy trình rõ ràng	3	23,1	10	76,9			13	100

Thăm khám chu đáo	1	7,7	12	92,3			13	100
Bác sỹ điều trị chuyên môn cao	2	15,4	10	76,9	1	7,7	13	100
Thời gian điều trị không quá lâu			11	84,6	2	15,4	13	100
Được tôn trọng quyền riêng tư	3	23,1	10	76,9			13	100

Phản hồi về 6 khía cạnh chất lượng điều trị thì hầu hết các người thân đều hài lòng. Tuy nhiên ở khía cạnh bác sỹ điều trị có chuyên môn cao và thời gian điều trị đang có 7,7% và 15,4% đánh giá ở mức độ không chắc chắn.

Tổng điểm của khía cạnh cũng chia thành 3 mức độ "hài lòng", "bình thường", "không hài

lòng" và sẽ dao động điểm từ 6 đến 30 điểm. Từ 6 đến 12 điểm là "không hài lòng", từ 13 đến 23 điểm là "bình thường", từ 24 đến 30 điểm là "hài lòng"[6]. Như vậy sẽ có 84,6% người thân đánh giá chung về chất lượng điều trị là hài lòng và 23,4% là bình thường.

Bảng 3. Phản hồi ở khía cạnh đau cho trẻ

Nội dung	Rất hài lòng		Hài lòng		Không chắc chắn		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Bác sỹ biết động viên khích lệ	4	30,8	9	69,2			13	100
Bác sỹ quan tâm tới phản ứng đau trong quá trình điều trị	5	38,5	8	61,5			13	100
Bác sỹ tránh các thủ thuật thô bạo			13	100			13	100
Bác sỹ luôn có những biện pháp giảm đau cho trẻ trước và sau khi điều trị	2	15,4	9	69,2	2	15,4	13	100
Biện pháp giảm đau hiệu quả	1	7,7	10	76,9	2	15,4	13	100

Phản hồi về 5 khía cạnh đau cho trẻ thì bác sỹ có phương pháp giảm đau và hiệu quả của phương pháp đó được phụ huynh đánh giá ở mức độ hài lòng thấp nhất 84,6%.

Tổng điểm của khía cạnh cũng chia thành 3 mức độ "hài lòng", "bình thường", "không hài

lòng" và sẽ dao động điểm từ 5 đến 25 điểm. Từ 5 đến 10 điểm là "không hài lòng", từ 11 đến 19 điểm là "bình thường", từ 20 đến 25 điểm là "hài lòng"[6]. Như vậy sẽ có 92,3% người thân đánh giá chung về sự giảm đau cho trẻ là hài lòng và 7,7 % là bình thường.

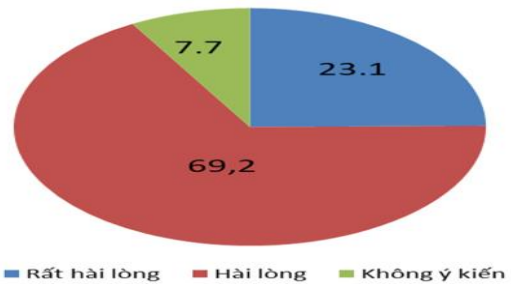
Bảng 4. Phản hồi khía cạnh chi phí điều trị

Câu hỏi	Rất hài lòng		Hài lòng		Không chắc chắn		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Chi phí điều trị	1	7,7	10	76,9	2	15,4	13	100
Chi phí phù hợp với điều kiện tài chính			10	76,9	3	23,1	13	100
Giải thích ưu nhược điểm của từng phương pháp điều trị	3	23,1	10	76,9			13	100
Thủ tục thanh toán đảm bảo tính công bằng			13	100			13	100

Sự phản hồi về khía cạnh điều trị thì sự giải thích ưu nhược điểm của từng phương pháp và thủ tục thanh toán đảm bảo tính công bằng là được người thân đánh giá hài lòng 100%. Còn về chi phí điều trị phù hợp với điều kiện tài chính đánh giá mức độ hài lòng thấp nhất 76,9%.

Tổng điểm của khía cạnh cũng chia thành 3 mức độ "hài lòng", "bình thường", "không hài lòng" và sẽ dao động điểm từ 4 đến 20 điểm. Từ 4 đến 8 điểm là "không hài lòng", từ 9 đến 13 điểm là "bình thường", từ 14 đến 20 điểm là "hài lòng". Như vậy sẽ có 84,6% người thân đánh giá hài lòng chung về chi phí điều trị cho trẻ và 15,4% là bình thường.

Về sự hài lòng chung của người thân về quá trình khám và điều trị tại phòng khám, không có đối tượng nào "không hài lòng". Tỷ lệ "hài lòng" và "rất hài lòng" là 69,2% và 23,1%.



Biểu đồ 1. Sự hài lòng chung của người thân bệnh nhân

IV. BÀN LUẬN

Phản hồi của người thân với quá trình điều trị được đánh giá ở bốn khía cạnh: sự thuận tiện của dịch vụ, chất lượng dịch vụ, kiểm soát đau cho trẻ và chi phí điều trị. Mỗi khía cạnh có các câu hỏi và mỗi câu hỏi được đánh giá ở 5 mức

độ: rất hài lòng, hài lòng, không ý kiến, không hài lòng và rất không hài lòng tương ứng với các mức điểm 5, 4, 3, 2, và 1 của bộ câu hỏi DSQ thang đo đã được kiểm tra độ tin cậy và giá trị trong quần thể khác nhau [7].

Trong nghiên cứu của chúng tôi, với sự thuận tiện của quá trình điều trị đa số người thân bệnh nhân hài lòng với các yếu tố chăm sóc khách hàng. Kết quả ở bảng 1 cho thấy tỷ lệ về phòng chờ thoải mái và yếu tố bác sỹ thông báo hẹn đúng lịch đều đạt 100%. Kết quả này tương đồng với khảo sát của tác giả Nguyễn Ánh Dương (2020) [6] tại viện đào tạo Răng Hàm Mặt, trường Đại học Y Hà Nội, nhưng cao hơn nghiên cứu của Tạ Thị Tươi (2019) [5] và cũng tại viện đào tạo Răng Hàm Mặt, Hà Nội. Những tỷ lệ này cao hơn đáng kể so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hà (2014) đánh giá sự hài lòng của người bệnh tại viện Đào tạo Răng Hàm Mặt trung ương cũng sử dụng cùng thang đo, theo đó 2 chỉ số của nghiên cứu chỉ dừng lại ở 54,7% và 51,2% [9]. Còn khi đánh giá sự hài lòng chung về sự thuận tiện thì có 76,9% người thân đánh giá "hài lòng" và 23,1% thì mức cảm nhận chung chỉ dừng ở mức độ "không chắc chắn" (bình thường). Kết quả này tương đồng với Nguyễn Ánh Dương [6] và báo cáo khảo sát sự hài lòng của người bệnh ngoại trú của bệnh viện Đa khoa Khu vực Phúc Yên (2017)[8]. Như vậy, kết quả của chúng tôi cho thấy các yếu tố chăm sóc khách hàng đã được thực hiện khá tốt đặc biệt trong bối cảnh các cơ sở y tế ở ta hiện nay còn nhiều hạn chế về cảnh quan, vệ sinh môi trường.

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ người thân hài lòng với yếu tố chất lượng khám chữa bệnh ở bảng 2 tại phòng khám rất cao. Tất cả các yếu tố đều được đánh giá ở mức độ hài lòng hoặc rất hài lòng (Tỷ lệ hài lòng với các yếu tố thái độ cán bộ khi khám chữa bệnh, giải thích về quy trình điều trị, sự cần trọng của cán bộ y tế trong khám chữa bệnh đều là 100%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu Tạ Thị Tươi (2019) [5], nhưng cao hơn ở điều tra của Viện Chiến lược và Chính sách y tế (Bộ Y tế) thực hiện tại 29 bệnh viện về mức độ hài lòng của người bệnh đối với tinh thần thái độ phục vụ của cán bộ y tế từ tháng 11-2016 đến tháng 1-2017, cho thấy có 89,9% số người trả lời hài lòng về phong cách, thái độ phục vụ của nhân viên y tế. Kết quả của nghiên cứu chúng tôi cũng cao hơn nhiều so với khảo sát người bệnh sử dụng dịch vụ tại viện Răng Hàm Mặt Trung ương; hướng dẫn cụ thể 60,3%, thái độ tôn trọng 47,5%, giải thích rõ ràng 50,9%, thăm khám chu đáo 51,2%, chuyên

môn bác sỹ 60,6% [9]. Sự khác biệt giữa các kết quả có thể do sự không tương đồng về số lượng cán bộ của 2 đơn vị, đồng thời loại hình dịch vụ y tế mà hai cơ sở cung cấp cũng như đối tượng sử dụng các dịch vụ này trong mỗi nghiên cứu là khác nhau. Ngoài ra, thời điểm thực hiện các nghiên cứu cũng có sai biệt, nghiên cứu này được thực hiện trong khi phong trào đổi mới thái độ chất lượng chăm sóc người bệnh của ngành y tế diễn ra, do đó, các kết quả về sự hài lòng có thể đã được cải thiện đáng kể so với những nghiên cứu trước đó. Đây là một kết quả tích cực, đặc biệt trong bối cảnh nhân lực y tế chính là lực lượng nòng cốt quyết định phần lớn đến chất lượng dịch vụ y tế và tạo nên danh tiếng cho cơ sở y tế.

Tỷ lệ hài lòng chung về yếu tố kiểm soát đau của nhân viên y tế ở bảng 3 tại phòng khám là 92,3%. Mặc dầu thực tế ta còn thấy phần lớn bệnh nhân còn rất e ngại đến gặp nha sĩ vì họ sợ đau, sợ không có biện pháp giảm đau trước khi làm nhưng qua những cuộc khảo sát chất lượng kiểm soát đau như thế này để có thể khuyến khích bệnh nhân đến gần hơn và tham gia các dịch vụ nha khoa tốt nhất. Đặc biệt trong đợt khảo sát này, đối tượng nghiên cứu là trẻ em có độ tuổi 4-8 tuổi nên việc kiểm soát đau trước khi làm là việc bắt buộc. Hiện tại các nhân viên y tế của phòng khám đã làm tốt được điều này và được phụ huynh đánh giá hài lòng và rất hài lòng.

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy đa số người bệnh hài lòng với các yếu tố chi phí điều trị tại phòng khám: hài lòng chung là 84,6% và bình thường chiếm 15,4%. Kết quả này cao hơn so với tác giả Tạ Thị Tươi [5]. Điều này có thể giải thích kỹ thuật điều trị trong đề tài chúng tôi đang chỉ có hàn sâu răng, điều trị tủy, chụp thép ở răng sữa nên chi phí điều trị phụ huynh bỏ ra đang chấp nhận được. Do đó, việc xử lý tận hết và mang trả lại nụ cười của bệnh nhân khiến bố mẹ bệnh nhân không quan ngại về vấn đề chi phí như các đối tượng khác.

Đánh giá chung sự hài lòng về quá trình điều trị tại phòng khám Răng hàm mặt nói riêng và bệnh viện Đại học Y khoa Vinh nói chung, không có người thân của trẻ nào "không hài lòng". Biểu đồ 1 trình bày đánh giá tổng thể, tỷ lệ "hài lòng" và "rất hài lòng" chiếm tới 69,2% và 23,1% số đối tượng nghiên cứu, kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Tạ Thị Tươi với 2 chỉ số tương ứng đó là 40,4% và 55,4% [5]. Tỷ lệ hài lòng trong nghiên cứu của chúng tôi cũng cao hơn đáng kể so với tỉ lệ người bệnh hài lòng khi thăm khám tại bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung

Ương là 56,9%.[9]. Có thể giải thích, sự khác biệt này do phòng khám Răng hàm mặt- bệnh viện trường Y khoa Vinh có quy mô nhỏ hơn, dễ kiểm soát tình hình khám chữa bệnh và chất lượng dịch vụ hơn. Mặt khác, nghiên cứu của chúng tôi thực hiện sau báo cáo tại viện Răng Hàm Mặt trung ương nhiều năm, trải qua một thời gian dài hưởng ứng phong trào nâng cao tinh thần thái độ về quy tắc ứng xử, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh do bộ y tế khởi xướng. Kết quả này cũng đã cho thấy những tác động tích cực trong việc cải cách phong cách khám chữa bệnh, hướng tới người bệnh là trung tâm.

V. KẾT LUẬN

- Tỷ lệ hài lòng chung về sự thuận tiện 76,9%, chất lượng 84,6%, kiểm soát đau cho trẻ 92,3%, chi phí điều trị là 84,6%.
- Tỷ lệ hài lòng là 69,2%, rất hài lòng là 23,1%, bình thường là 7,7%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Mai Đình Hưng** (2004). "Hình thể sinh lý và nha chu" Sinh lý răng và bộ máy nhai. NXB y học, tr 35-52.
2. **Trần Thúy Nga** (2013). "Điều trị tủy". Răng trẻ em. NXB giáo dục Việt Nam, tr 252-258.
3. **Nguyễn Thị Vân** (2002). "Nhận xét lâm sàng và đánh giá kết quả điều trị viêm tủy răng sữa bằng

- phương pháp lấy tủy 1 phần". Luận văn tốt nghiệp chuyên khoa cấp II. Trường đại học Y Hà Nội, tr 20-23.
4. **Bộ Y tế** (2017). Tổng quan ngành Y tế. NXB Y học Hà Nội, tr 50.
5. **Tạ Thị Tươi** (2019). "Khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân đối với một số dịch vụ chăm sóc răng miệng tại trung tâm kỹ thuật cao Răng hàm mặt, Viện Đào tạo Răng hàm Mặt năm 2018-2019 và một số yếu tố liên quan". Luận văn thạc sỹ quản lý bệnh viện, trường Đại học Y Hà Nội.
6. **Nguyễn Anh Dương** (2020). "Đánh giá kết quả phục hồi thân răng sữa ở trẻ em từ 3-5 tuổi bằng phương pháp chụp ziconia và sự hài lòng của cha mẹ". Luận văn chuyên khoa II, trường Đại học Y Hà Nội.
7. **Skaret E. Berg E. Raadal M et al**, Factors related to satisfaction with dental care among 23-year olds in Norway, Community Dent Oral Epidemiol, 2005; 33(2). 150-7.
8. **Bệnh viện Đa khoa Phúc Yên**. Báo cáo khảo sát hài lòng của người bệnh ngoại trú bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên năm 2017, tr7-8.
9. **Nguyễn Thị Hà** (2014). "Đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân tại bệnh viện Răng Hàm mặt Trung Ương thành phố Hà Nội năm 2014", Luận văn Thạc sỹ quản lý bệnh viện, Đại học y Hà Nội, tr 40-42.
10. **Sakalaukiene Z., Machiulskiene V., Murtomaa H. et al** (2015). Satisfaction with dental care and its role in dental health-related behaviour among lithuanian university employees. Oral Health Prev Dent; 13(2), p113-121.

MÔ TẢ MỘT SỐ BIẾN CHỨNG SAU PHẪU THUẬT THAY KHỚP HÁNG

Đặng Nhật Quang¹, Đào Xuân Thành^{1,2}, Lê Mạnh Sơn³, Đặng Hoàng Giang^{1,2}

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm của một số biến chứng sau phẫu thuật thay khớp háng. **Phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu hồi cứu mô tả cắt ngang, mô tả một số đặc điểm ở 287 bệnh nhân được chẩn đoán là một trong những biến chứng sau phẫu thuật thay khớp háng từ tháng 05/2016 đến tháng 05/2021 tại Bệnh viện Bạch Mai và Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. **Kết quả:** Tuổi trung bình 61,12 ± 13,27, tỷ lệ nam giới chiếm tỷ lệ chủ yếu (62,37%). Bệnh nhân nhiễm trùng sau phẫu thuật chiếm tỷ lệ cao nhất 41,81%, trật khớp nhân tạo 26,48%, lỏng khớp

20,56%, chênh lệch chiều dài chi sau phẫu thuật 11,15%. Thời gian trung bình xuất hiện nhiễm trùng sau phẫu thuật: 14,38 tháng, đa số ở giai đoạn sớm và giai đoạn trì hoãn, trong đó biểu hiện lâm sàng hay gặp nhất là sốt chiếm 58,33%, 51,67% bệnh nhân viêm tấy vết mổ, 55,83% bệnh nhân có đường viêm dò từ khớp nhân tạo ra ngoài. Tốc độ máu lắng trung bình 1 giờ: 47,84±13,37mm. 78,33% bệnh nhân có kết quả cấy vi sinh dương tính. Về biến chứng trật khớp nhân tạo, thời gian trung bình xuất hiện là 3,8 tháng, trong đó nguyên nhân chủ yếu trật khớp do tai nạn sinh hoạt (80,26%). Thời gian trung bình xuất hiện lỏng khớp nhân tạo: 10,42 năm. 83,05% bệnh nhân lỏng khớp có triệu chứng đau, 89,83% hạn chế vận động. Chủ yếu bệnh nhân lỏng thành phần chuôi khớp chiếm tỷ lệ 59,32%. Chênh lệch chiều dài chi trung bình ở nhóm biến chứng là 14,22±5,84mm. **Kết luận:** Mặc dù phẫu thuật thay khớp háng có nhiều ưu điểm như giúp bệnh nhân giảm đau và cải thiện chức năng vận động của khớp háng, giúp bệnh nhân trở lại sinh hoạt sớm sau phẫu thuật,... nhưng các phẫu thuật viên cũng cần chú ý tới các tai biến biến chứng

¹Trường Đại học Y Hà Nội

²Bệnh viện Bạch Mai

³Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức

Chịu trách nhiệm chính: Đặng Nhật Quang

Email: saobangnb99@gmail.com

Ngày nhận bài: 2.12.2022

Ngày phản biện khoa học: 16.01.2023

Ngày duyệt bài: 6.2.2023